

Số: TVHN-222/AGIA

An Giang, ngày 10 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước biến đổi chậm, mực nước cao nhất ngày 09/8/2025 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-60cm; mực nước thấp nhất cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 25-65cm, thấp hơn từ 10-25cm so vs TBNN.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước xuống theo triều. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/8 ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-55cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch lên chậm. Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 09/8 hầu hết ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 05-20cm.
- Khu vực cửa sông: Mực nước tại Xẻo Rô trên sông Cái Lớn lên theo triều biển Tây. Mực nước cao nhất ở mức cao hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-15cm. Mực nước thấp nhất ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 10-35cm.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh xuống chậm trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước xuống theo xu thế triều biển Đông trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm; riêng trên kênh Vĩnh Tế tại trạm Xuân Tô, mực nước tiếp tục lên chậm.
- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống theo xu thế triều biển Tây đến ngày 14/08, sau đó lên lại.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 11/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phan Minh Đạt

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 09/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			10/8	11/8	12/8	13/8	14/8	10/8	11/8	12/8	13/8	14/8
		BDI	BDII	BDIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	220	61	-23	269	51	-1	268	266	268	266	265	218	217	215	213	210
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	126	29	6	224	29	44	223	221	223	221	220	124	123	121	119	116
Hậu	Khánh An	420	470	520	366	65	54	372	60	50	371	369	371	369	368	364	363	361	359	356
	Châu Đốc	300	350	400	173	26	-11	242	19	23	241	239	241	239	238	171	170	168	166	163
	Long Xuyên	190	220	250	80	8	17	211	15	53	210	208	210	208	207	78	77	75	73	70
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	135	29	-4	225	27	33	224	222	224	222	221	133	132	130	128	125
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	134	30	30	141	32	-14	143	145	148	151	153	136	138	141	143	145
	Vĩnh Gia	200	240	280	46	-9	-16	52	-6	-19	54	56	56	54	53	48	50	49	48	46
	Vĩnh Điều	170	200	230	44	-6	-11	51	-7	-17	53	55	55	53	52	46	48	47	46	44
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	41	-16	-13	48	-14	-14	50	52	52	50	49	43	45	44	43	41
T5	Nông Trường	160	190	220	48	-14	-10	54	-13	-12	56	58	58	56	55	50	52	51	50	48
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	95	7	-8	106	7	-3	108	110	110	108	107	97	99	98	97	95
	Cô Tô	140	180	220	92	1	13	102	4	19	104	106	106	104	103	94	96	95	94	92
	Nam Thái Sơn	90	120	150	51	-11	-	66	-3	-	68	70	70	68	67	53	55	54	53	51
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	50	-6	-18	56	-4	-19	58	60	60	58	57	52	54	53	52	50
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	99	0	13	118	7	25	120	122	122	120	119	101	103	102	101	99
Núi Chóc Nặng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	140	14	15	169	13	30	171	173	173	171	170	142	144	143	142	140
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	77	-11	-19	102	-7	-3	104	106	106	104	103	79	81	80	79	77
	Tân Thành	120	150	180	68	-5	2	87	4	9	89	91	91	89	88	70	72	71	70	68
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	54	-4	7	62	-4	3	64	66	66	64	63	56	58	57	56	54
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	-17	-16	-5	40	4	-4	42	44	44	42	41	-15	-13	-14	-15	-17
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-26	-35	-6	66	13	13	71	72	69	65	61	-31	-30	-28	-25	-21

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





